

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	1. Viết tiếng Trung sơ cấp 3 2. Viết tiếng Trung 3			
Mã học phần:	71MAW340152 71MAW340193		Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	243_71MAW340152_01 243_71MAW340193_01			
Hình thức thi:	Trắc nghiệm kết hợp Tự luận		Thời gian làm bài:	60 phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu:	☐ Có		☒ Không	

III. Nội dung câu hỏi thi

I. CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC (1.0 ĐIỂM)

1. 我（A）妹妹告诉（B）他五分钟来学校（C）集合（D）上车。【让】

- A. （A）
B. （B）
C. （C）
D. （D）

ANSWER: A

2. 他（A）从来（B）都（C）吃（D）早饭。【不】

- A. （C）
B. （A）
C. （B）
D. （D）

ANSWER: A

3. 那本书（A）我（B）看（C）过，写（D）很好。【得】

- A. （D）
B. （A）
C. （B）
D. （C）

ANSWER: A

4. 我 (A) 昨天 (B) 给他 (C) 打电话。【没】

A. (B)

B. (A)

C. (C)

D. (D)

ANSWER: A

5. 那个 (A) 穿蓝色 (B) 衬衫 (C) 年轻人是我 (D) 同学。【的】

A. (C)

B. (A)

C. (B)

D. (D)

ANSWER: A

II. CHỌN TỪ THÍCH HỢP ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG (1.0 ĐIỂM)

发生	保护	交流	小心	新鲜
----	----	----	----	----

1. 你用电脑的时间别太长了，（ ）好自己的眼睛。

2. 路上车多人多，骑自行车，（ ）一点儿！

3. 这些水果是刚买的，很（ ）。

4. 来了这么多人，（ ）了什么事？

5. 我已经可以和同学们用汉语（ ）了。

III. SẮP XẾP TỪ THÀNH CÂU HOÀN CHỈNH (3.0 ĐIỂM)

1. 护照 / 拿 / 请 / 出来 / 你 / 把

2. 咖啡 / 着 / 我们 / 聊天儿 / 喝

3. 很 / 我 / 不 / 高兴 / 其实

4. 害怕得 / 妹妹 / 起来 / 哭了

5. 很大 / 这件 / 对 / 影响 / 事情 / 崔浩的

IV. HOÀN THÀNH CÂU VỚI TỪ NGỮ HOẶC CẤU TRÚC CHO SẴN (3.0 ĐIỂM)

1. 我现在一分钱 _____，怎么办？（也没+V.）

2. 她急急忙忙 _____. (V. + 进 + Nơi chốn + 去)

3. 新年快到了，_____. （许多）

4. 她 _____，而是在减肥呢。（不是..A..，而是..B..）

5. 这个房子 _____，我很满意。（既...又...）

6. 毕业以后，我 _____。（决定）

V. HOÀN THÀNH ĐOẠN ĐỐI THOẠI NGẮN VỚI TỪ NGỮ HOẶC CẤU TRÚC CHO SẴN (2.0 ĐIỂM)

小王：我的父母太喜欢你了，每天都给你做好吃的饭菜。

小李：那你呢？你喜欢我吗？

小王：我喜欢你喜欢得不得了，你看，我每天都 _____。（游览）

小李：中国的皇帝真奇怪，娶那么多妻子， _____！（麻烦）

小王：对了，要是一百年前你来到中国， _____ 怎么办？（皇帝/选中）。

小王：那时候，故宫里的女人是 _____。（自由），不过现在就不一样了，中国很尊重妇女。

ĐÁP ÁN THAM KHẢO VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm
I.	CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC ANSWER: A	1.0 điểm
II.	CHỌN TỪ THÍCH HỢP ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG 1. 保护 2. 小心 3. 新鲜 4. 发生 5. 交流	1.0 điểm
III.	SẮP XẾP TỪ THÀNH CÂU HOÀN CHỈNH 1. 请你把护照拿出来。 2. 我们喝着咖啡聊天儿。 3. 我其实很不高兴。 4. 妹妹害怕得哭了起来 5. 这件事情对崔浩的影响很大	3.0 điểm

IV.	HOÀN THÀNH CÂU VỚI TỪ NGỮ HOẶC CẤU TRÚC CHO SẴN 1. 我现在一分钱 也没带 ，怎么办？ 2. 她急急忙忙 跑进办公室去 。 3. 新年快到了， 许多人去办年货 。 4. 她 不是病了 ，而是在减肥呢。 5. 这个房子 既大又舒服 ，我很满意。 6. 毕业以后，我 决定去中国留学 。	3.0 điểm
V.	HOÀN THÀNH ĐOẠN ĐỐI THOẠI NGẮN VỚI TỪ NGỮ HOẶC CẤU TRÚC CHO SẴN <i>(Chọn nội dung đoạn văn sinh viên viết)</i>	2.0 điểm
	Điểm tổng	10.0

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2025

Người duyệt đề
Đã duyệt

Giảng viên ra đề
Đã ký

TS. Phạm Đình Tiến

ThS. Trương Mỹ Vân